TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:3131.../TM-TĐT	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2025*

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Trường Đại học Tôn Đức Thắng đang triển khai thủ tục tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm Trang bị màn hình led Hội trường 6B và 2 bên cánh Hội trường 2A, với các nội dung sau:

- Dự toán mua sắm: Trang bị màn hình led Hội trường 6B và 2 bên cánh Hội trường 2A.
- Chủ đầu tư: Trường Đại học Tôn Đức Thắng.
- Nội dung công việc:

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và vật tư chi tiết
1	**Trang bị màn hình Led P2 trong nhà cho Hội trường 6B** (bao gồm: 1 Bộ màn hình Led P2 trong nhà (Pixel-Pitch: 2mm) kích thước 7,04m x 3,84m; 1 Hệ khung treo màn hình Led dạng di động, có thể tháo rời di chuyển đến vị trí khác để lắp đặt kích thước 7,04m x 3,84m)	Hệ thống	1	Đính kèm Phụ lục số 1-HT6B, Bản vẽ thiết kế hệ thống
2	**Trang bị màn hình Led P2 trong nhà cho Hội trường 2A** (bao gồm: 2 Bộ màn hình Led P2 trong nhà (Pixel-Pitch: 2mm) kích thước 5,12m x 2,88m; 2 Hệ khung treo màn hình Led kích thước mỗi hệ: 5,12m x 2,88m).	Hệ thống	1	Đính kèm Phụ lục số 2-HT2A, Bản vẽ thiết kế hệ thống

Kính mời Quý Công ty có quan tâm gửi báo giá với các nội dung theo thư mời này đến Phòng Kế hoạch – Dự án Trường Đại học Tôn Đức Thắng, địa chỉ: Phòng A0102 Số 19 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, TP. Hồ Chí Minh.

Thời hạn nhận báo giá: đến hết ngày 11/9/2025.

Thông tin đầu mối liên hệ phía trường: Phòng Kế hoạch – Dự án, Số điện thoại: 028 37754 666, Email: phongkhda@tdtu.edu.vn.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- ĐTMT (để đăng tải lên website của trường);
- Lưu: VT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH – DỰ ÁN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

Nguyễn Ngọc Quyết

PHỤ LỤC SỐ 1-HT6B

(Đính kèm theo Thư mời báo giá số 3131../TM-TĐT ngày 04 tháng 9 năm 2025)

Thông số kỹ thuật và vật tư chi tiết cho màn hình Led trong nhà

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật		Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
1	Module Led P2 trong nhà Full color	Khoảng cách điểm ảnh	≤ 2.0 mm	528 tấm	72 tấm
		Mật độ điểm ảnh	250000 điểm/m²		
		Cấu hình điểm ảnh	1R1G1B		
		Loại LED	SMD1515 - Bóng Đồng hoặc tương đương		
		Kích thước Module	Rộng 320mm * Cao 160mm		
		Trọng lượng Module	350 ±5g		
		Độ phân giải module	Rộng 160 điểm*Cao 80 điểm		
		Số lượng Module / m²	19,53 module/ m²		
		Khoảng cách nhìn tối thiểu	≥ 2 m		
		Độ sáng	700 - 1000 nits		
		Góc nhìn	H≥160° V≥120°		
		Chế độ điều khiển	1/40 scan		
		Giao diện	HUB75		
		Điện áp hoạt động	5VDC		
		Công suất tiêu thụ tối đa	≤ 25 W / module		
		Công suất tiêu thụ trung bình	≥ 15 W / module		
		Cường độ dòng điện tối đa	≤ 5A		
		Công suất tiêu thụ tối đa / m²	≤ 500w / m²		
		Công suất tiêu thụ trung bình / m²	≥ 300w / m²		
		Độ sâu xử lý tín hiệu	16384		
		Tốc độ khung hình/s	≥ 60 hình/s		
		Tần số làm tươi	**≥3840Hz**		
		Tỷ lệ điểm ảnh bị lỗi	≤1/100.000		
		Tỷ lệ phân rã màu / 3 năm sử dụng	≤15%		
		Độ sáng phù hợp	≥97%		
		Màu sắc	281 triệu màu		
		MTBF	≥10000 hours		
		Tuổi thọ	≥100000 hours		
		Chế độ bảo vệ	Quá nhiệt / Quá tải / Tắt điện / Rò rỉ điện / Chống sét. etc.		
		Nhiệt độ hoạt động	-20°C～+50°C		
		Độ ẩm hoạt động	10-95% không ngưng tụ đọng nước		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật		Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
		Nhiệt độ lưu trữ	-30°C～+60°C		
		độ ẩm lưu trữ	10-80% không ngưng tụ đọng nước		
2	Bộ điều khiển kết hợp xử lý hình ảnh HD-VP1640	Khả năng quản lý: ≥ 10.4 triệu pixels, chiều rộng tối đa 16000 pixel, chiều cao tối đa 3840 pixel. tích hợp các chức năng của thẻ gửi (card phát) đồng bộ và bộ xử lý video, hỗ trợ đầu vào giao diện tín hiệu 6 kênh,1 số kênh video nguồn 4K và đầu ra hình ảnh kép .Hỗ trợ đầu ra 16 cổng mạng Điện áp hoạt động: 100VAC – 240VAC 50/60Hz Đầu vào: DP, HDMI, DVI, EXT, Audio Đầu ra: Audio, 16 cổng mạng kết nối với thẻ nhận Chức năng: 5 kênh dầu vào video độ phân giải cao kỹ thuật số và tương tự, đầu vào lên tới 4K @ 60Hz; Hỗ trợ hình ảnh kép PIP, POP; Chức năng cài đặt điều hướng, thuận tiện cho việc cài đặt nhanh chóng; Chức năng cài đặt kết nối không cần máy tính điều khiển, và trực tiếp thiết lập các thông số kết nối của từng tủ thông qua các nút trên bảng điều khiển; Thiết bị có thể được gỡ lỗi và điều khiển thông qua các nút bảng điều khiển, USB, Wifi. Nhiệt độ hoạt động: 0°C～45°C Khung vỏ: tiêu chuẩn 1.5U		1 bộ	1 bộ
3	Card nhận HD-R716	Card nhận HD-R716 sử dụng 16 HUB75E Điện áp: 5V Phạm vi điều khiển: Dung lượng tải tối đa: 327.680 pixel (512*640) chip thông thường 160*1024, 256*640 Chip PWM: 320*1024, 256*1280, 512*640 Chế độ quét: Hỗ trợ mọi phương thức quét từ quét tĩnh đến 1/128 Phương pháp giao tiếp: Ethernet tốc độ cao Cổng giao tiếp: Cổng Ethernet 2.1Gbps * 2, HUB75E * 16 Điện áp đầu vào: 4V-6V DC Nhiệt độ làm việc: -40 °C ~ 85 °C		66 card	4 card
4	Nguồn 5V-60A Probest mỏng	Thông số kỹ thuật: Điện áp vào: AC 110-220V Điện áp ra: DC 5V Dòng điện ra: 0 ~ 60A Chất liệu: Hợp kim cao cấp Nhiệt độ làm việc: 0 ~ 70C		132 cái	8 cái
5	Bộ mã hóa/giải mã AV qua IP để truyền tín hiệu HDMI	Bộ mã hóa/giải mã AV qua IP để truyền tín hiệu HDMI lên đến 328 ft. (100 m) qua cáp xoắn đôi (CAT6A). .NJR-L01UC-T, NJR-L01UC-R: Thiết bị mã hóa/giải mã HDMI 4K@60		1 bộ	0

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
	lên đến 328 ft. (100 m) qua cáp xoắn đôi (CAT6A) IDK	. NJR hỗ trợ độ phân giải video lên đến 4K@60 (4:4:4) và tuân thủ HDCP 2.2. . Kéo dài đến 100 m (CAT6A) . Truyền được tín hiệu LAN và RS-232C . Tín hiệu mã hóa: SDVoE . Giả lập EDID, hỗ trợ tính năng Connection Reset . RS-232C: 1 cổng/Đầu nối: Vít cố định (3 chân) . LAN: 1 cổng/10Base-T/100Base-TX/1000Base-T (Tự động đàm phán), Tự động MDI/MDI-X, Đầu nối: RJ-45, Mô phỏng EDID, Đặt lại kết nối*3 . Nguồn: DC 5 V 1.6 A . Công suất tiêu thụ: 9 W . Kích thước: 4,2 (Rộng) x 1,1 (Cao) x 4,7 (Sâu)" (106 (Rộng) x 28 (Cao) x 120 (Sâu) mm) (Không bao gồm các đầu nối và các bộ phận tương tự) . Trọng lượng: 1,1 Ibs. (0,5 kg) . Nhiệt độ: Hoạt động: 32°F đến 104°F (0°C đến +40°C), Bảo quản: -4°F đến +176°F (-20°C đến + 80°C) . Độ ẩm: 20% đến 90% (Không ngưng tụ)		
6	Cabin gắn mudule Led 640x640mm	Kích thước: 640*640*61.5mm Chất liệu: Nhôm Số lượng module gắn trên 1 cabin: 8 module, cao 4 ngang 2 Loại module hỗ trợ: P 2, P2.5 Màu sắc sản phẩm: Đen Phụ kiện kèm theo: Tấm gắn nguồn, tấm gắn card	66 cái	0
7	Tủ điện nguồn	Thông số kỹ thuật: Điện áp vào: 220V MCCB: MCCB 2P - 50A - 1 cái MCB: MCB 2P - 25A - 3 cái MCB: MCB 1P - 20A - 1 cái Dây nguồn: CVV 3 x 6 - 100m Chất liệu vỏ tủ: Nhựa ABS, đảm bảo an toàn cho người sử dụng	1 tủ	0
8	Hệ khung đỡ màn hình Led	Thông số kỹ thuật: Khung thép lắp màn hình led: Hệ khung sắt 40x40 kết hợp 40x20 truss liên kết hệ khung ngang 7,040m x cao 3,840m = 27,03m2 hoàn thiện; lắp trên sàn sân khấu và có khung viền quanh màn hình đảm bảo tính thẩm mỹ và chắc chắn. ***Ghi chú: đính kèm bản vẽ minh họa.***	1 hệ	0
9	Dây tín hiệu đấu nối màn hình led	Dây cáp tín hiệu từ các module đến card nhận, từ card nhận đến card phát và chân ốc nam châm.	1 gói	0
DIỆN TÍCH MÀN HÌNH LED HIỂN THỊ				

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật			Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
Kích thước màn hình		**Kích thước Module LED (mm)**	**Số lượng module led**	**Diện tích màn hình hiển thị**	**Đơn vị**	**Điểm ảnh**
Chiều cao màn hình		160	24	3,840	mm	1.920
Chiều rộng màn hình		320	22	7,040	mm	3.520
Diện tích màn hình led hiển thị			**528**	**27,03**	**m2**	**6.758.400**
THAM SỐ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN						
Nhiệt độ màu: Điều chỉnh bằng phần mềm						
Mức độ sáng: 256 cấp độ, tự động hoặc điều chỉnh bằng tay.						
Trình điều khiển: Máy tính, Mobile, thời gian thực qua LAN, internet,4G,5G.. V.v						
Khoảng cách cáp giao tiếp: Cat6 UTP 100 mét, tối đa 130 mét; hoặc sợi quang..						

Ghi chú:

1. Nhà thầu cung cấp hệ thống bao gồm các mục trên và vật tư, thi công lắp đặt thiết bị, hướng dẫn bàn giao và dịch vụ bảo hành tại công trình.
2. Giao hàng trong vòng 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
3. Thi công, lắp đặt trong vòng 20 ngày sau khi bàn giao thiết bị.
4. Thời gian bảo hành: 24 tháng.

PHỤ LỤC SỐ 2-HT2A

(Đính kèm theo Thư mời báo giá số 3131./TM-TĐT ngày 24 tháng 9 năm 2025)

Thông số kỹ thuật và vật tư chi tiết cho 2 màn hình Led trong nhà:

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật		Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
1	Module Led P2 trong nhà Full color	Khoảng cách điểm ảnh	≤ 2.0 mm	576 tấm	74 tấm
		Mật độ điểm ảnh	250000 điểm/m²		
		Cấu hình điểm ảnh	1R1G1B		
		Loại LED	SMD1515 - Bóng Đồng hoặc tương đương		
		Kích thước Module	Rộng 320mm * Cao 160mm		
		Trọng lượng Module	350 ±5g		
		Độ phân giải module	Rộng 160 điểm*Cao 80 điểm		
		Số lượng Module / m²	19,53 module/ m²		
		Khoảng cách nhìn tối thiểu	≥ 2 m		
		Độ sáng	700 - 1000 nits		
		Góc nhìn	H≥160° V≥120°		
		Chế độ điều khiển	1/40 scan		
		Giao diện	HUB75		
		Điện áp hoạt động	5VDC		
		Công suất tiêu thụ tối đa	≤ 25 W / module		
		Công suất tiêu thụ trung bình	≥ 15 W / module		
		Cường độ dòng điện tối đa	≤ 5A		
		Công suất tiêu thụ tối đa / m²	≤ 500w / m²		
		Công suất tiêu thụ trung bình / m²	≥ 300w / m²		
		Độ sâu xử lý tín hiệu	16384		
		Tốc độ khung hình/s	≥ 60 hình/s		
		Tần số làm tươi	**≥3840Hz**		
		Tỷ lệ điểm ảnh bị lỗi	≤1/100.000		
		Tỷ lệ phân rã màu / 3 năm sử dụng	≤15%		
		Độ sáng phù hợp	≥97%		
		Màu sắc	281 triệu màu		
		MTBF	≥10000 hours		
		Tuổi thọ	≥100000 hours		
		Chế độ bảo vệ	Quá nhiệt / Quá tải / Tắt điện / Rò rỉ điện / Chống sét. etc.		
		Nhiệt độ hoạt động	-20°C～+50°C		

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật		Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
		Độ ẩm hoạt động	10-95% không ngưng tụ đọng nước		
		Nhiệt độ lưu trữ	-30°C～+60°C		
		độ ẩm lưu trữ	10-80% không ngưng tụ đọng nước		
2	Bộ điều khiển kết hợp xử lý hình ảnh HD-VP1640	Khả năng quản lý: ≥ 10.4 triệu pixels, chiều rộng tối đa 16000 pixel, chiều cao tối đa 3840 pixel. tích hợp các chức năng của thẻ gửi (card phát) đồng bộ và bộ xử lý video, hỗ trợ đầu vào giao diện tín hiệu 6 kênh,1 số kênh video nguồn 4K và đầu ra hình ảnh kép .Hỗ trợ đầu ra 16 cổng mạng Điện áp hoạt động: 100VAC – 240VAC 50/60Hz Đầu vào: DP, HDMI, DVI, EXT, Audio Đầu ra: Audio, 16 cổng mạng kết nối với thẻ nhận Chức năng: 5 kênh dầu vào video độ phân giải cao kỹ thuật số và tương tự, đầu vào lên tới 4K @ 60Hz; Hỗ trợ hình ảnh kép PIP, POP; Chức năng cài đặt điều hướng, thuận tiện cho việc cài đặt nhanh chóng; Chức năng cài đặt kết nối không cần máy tính điều khiển, và trực tiếp thiết lập các thông số kết nối của từng tủ thông qua các nút trên bảng điều khiển; Thiết bị có thể được gỡ lỗi và điều khiển thông qua các nút bảng điều khiển, USB, Wifi. Nhiệt độ hoạt động: 0°C～45°C Khung vỏ: tiêu chuẩn 1.5U		1 bộ	0
3	Card nhận HD-R716	Card nhận HD-R716 sử dụng 16 HUB75E Điện áp: 5V Phạm vi điều khiển: Dung lượng tải tối đa: 327.680 pixel (512*640) chip thông thường 160*1024, 256*640 Chip PWM: 320*1024, 256*1280, 512*640 Chế độ quét: Hỗ trợ mọi phương thức quét từ quét tĩnh đến 1/128 Phương pháp giao tiếp: Ethernet tốc độ cao Cổng giao tiếp: Cổng Ethernet 2.1Gbps * 2, HUB75E * 16 Điện áp đầu vào: 4V-6V DC Nhiệt độ làm việc: -40 °C ~ 85 °C		48 card	2 card
4	Nguồn 5V-60A Probest mỏng	Thông số kỹ thuật: Điện áp vào: AC 110-220V Điện áp ra: DC 5V Dòng điện ra: 0 ~ 60A Chất liệu: Hợp kim cao cấp Nhiệt độ làm việc: 0 ~ 70C		96 cái	4 cái
5	Bộ mã hóa/giải mã	Bộ mã hóa/giải mã AV qua IP để truyền tín hiệu HDMI lên đến 328 ft. (100 m) qua cáp xoắn đôi (CAT6A).		1 bộ	0

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật	Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
	AV qua IP để truyền tín hiệu HDMI lên đến 328 ft. (100 m) qua cáp xoắn đôi (CAT6A) IDK	.NJR-L01UC-T, NJR-L01UC-R: Thiết bị mã hóa/giải mã HDMI 4K@60 . NJR hỗ trợ độ phân giải video lên đến 4K@60 (4:4:4) và tuân thủ HDCP 2.2. . Kéo dài đến 100 m (CAT6A) . Truyền được tín hiệu LAN và RS-232C . Tín hiệu mã hóa: SDVoE . Giả lập EDID, hỗ trợ tính năng Connection Reset . RS-232C: 1 cổng/Đầu nối: Vít cố định (3 chân) . LAN: 1 cổng/10Base-T/100Base-TX/1000Base-T (Tự động đàm phán), Tự động MDI/MDI-X, Đầu nối: RJ-45, Mô phỏng EDID, Đặt lại kết nối*3 . Nguồn: DC 5 V 1.6 A . Công suất tiêu thụ: 9 W . Kích thước: 4,2 (Rộng) x 1,1 (Cao) x 4,7 (Sâu)" (106 (Rộng) x 28 (Cao) x 120 (Sâu) mm) (Không bao gồm các đầu nối và các bộ phận tương tự) . Trọng lượng: 1,1 Ibs. (0,5 kg) . Nhiệt độ: Hoạt động: 32°F đến 104°F (0°C đến +40°C), Bảo quản: -4°F đến +176°F (-20°C đến + 80°C) . Độ ẩm: 20% đến 90% (Không ngưng tụ)		
6	Tủ điện nguồn	Thông số kỹ thuật: Điện áp vào: 220V MCCB: MCCB 2P - 50A - 1 cái MCB: MCB 2P - 25A - 2 cái MCB: MCB 1P - 20A - 1 cái Dây nguồn: CVV 3 x 6 - 100m Chất liệu vỏ tủ: Nhựa ABS, đảm bảo an toàn cho người sử dụng	1 tủ	0
7	Hệ khung đỡ màn hình Led	Thông số kỹ thuật: Khung thép màn hình led: Thép hộp mạ kẽm 20x40 dày tối thiểu 1.2mm: kích thước khung (ngang 5120mm x cao 2880mm); lắp cố định trên vách tường, khoảng cách các thanh thép hộp tương ứng với module Led và có khung viền quanh màn hình đảm bảo tính thẩm mỹ, chắc chắn. *Ghi chú: đính kèm bản vẽ minh họa.*	2 hệ	0
8	Dây tín hiệu đấu nối màn hình led	Dây cáp tín hiệu từ các module đến card nhận, từ card nhận đến card phát và chân ốc nam châm.	1 gói	0

DIỆN TÍCH MÀN HÌNH LED HIỂN THỊ 1 BÊN CÁNH

Kích thước màn hình	Kích thước Module LED (mm)	Số lượng module led 1 màn hình	Diện tích 1 màn hình hiển thị	Đơn vị	Điểm ảnh
Chiều cao màn hình	160	18	2,880	mm	1.440

STT	Tên vật tư	Thông số kỹ thuật			Số lượng lắp đặt	Số lượng dự phòng
Chiều rộng màn hình		320	16	5,120	mm	2.560
Diện tích 1 màn hình led hiển thị			**288**	**14,75**	**m2**	**3.686.400**
THAM SỐ HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN						
Nhiệt độ màu: Điều chỉnh bằng phần mềm						
Mức độ sáng: 256 cấp độ, tự động hoặc điều chỉnh bằng tay.						
Trình điều khiển: Máy tính, Mobile, thời gian thực qua LAN, internet,4G,5G.. V.v						
Khoảng cách cáp giao tiếp: Cat6 UTP 100 mét, tối đa 130 mét; hoặc sợi quang..						

Ghi chú:

1. Nhà thầu cung cấp hệ thống bao gồm các mục trên và vật tư, thi công lắp đặt thiết bị, hướng dẫn bàn giao và dịch vụ bảo hành tại công trình.
2. Giao hàng trong vòng 40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
3. Thi công, lắp đặt trong vòng 20 ngày sau khi bàn giao thiết bị.
4. Thời gian bảo hành: 24 tháng.

BẢN VẼ THIẾT KẾ HỆ THỐNG
MÀN HÌNH LED HỘI TRƯỜNG 6B

TP. HỒ CHÍ MINH, 2025

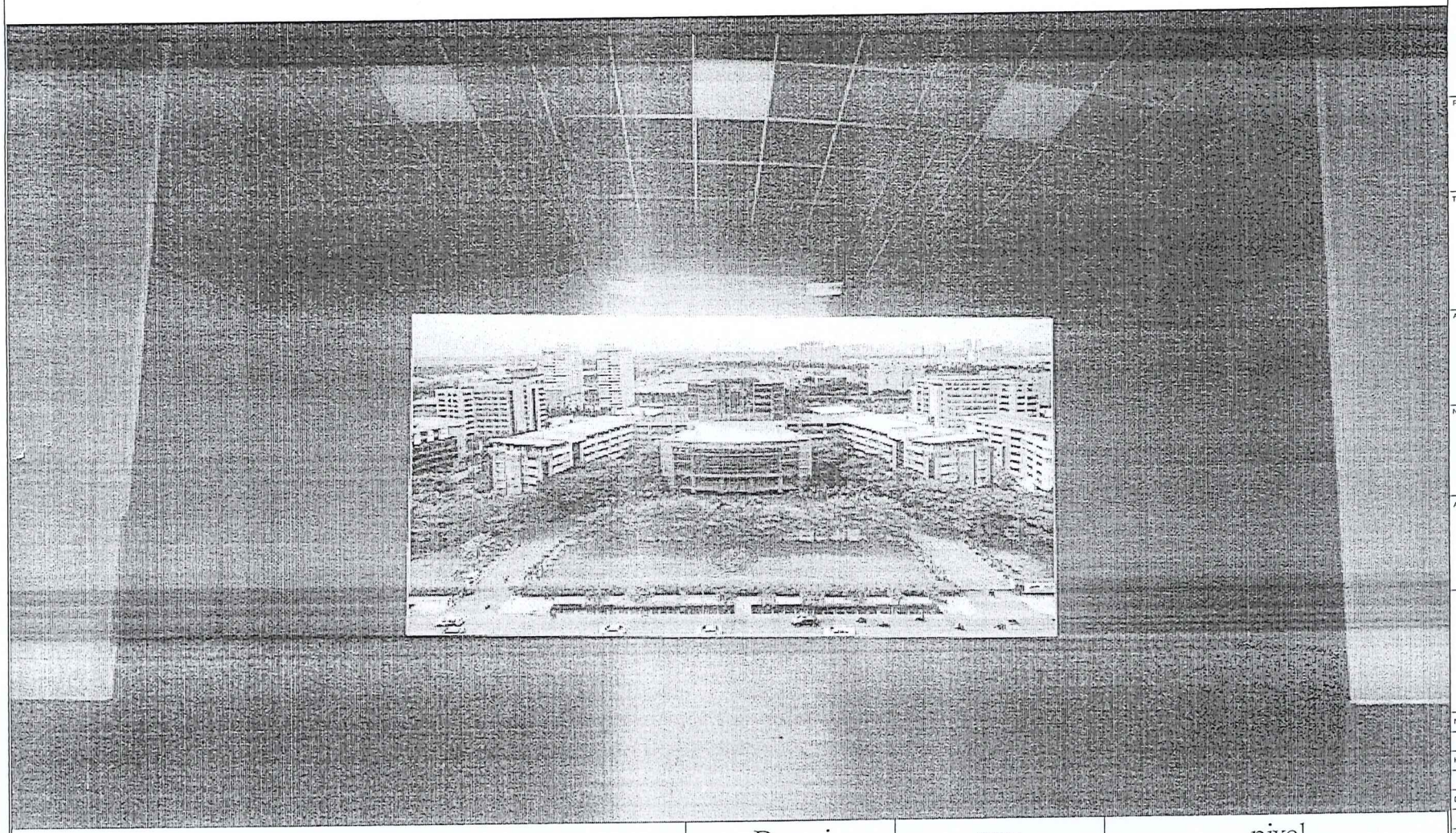

KÍCH THƯỚC MÀN HÌNH (SAU KHI TÍNH TOÁN)

Đơn vị	mm	pixel
W	7040	3,520
H	3840	1,920
m^2	27,034	6,758,400

Tên dự án / Project name

Chủ đầu tư / Client

Phê duyệt của chủ đầu tư/ Approval by Client

Tư vấn giám sát / Supervior consultant

Approved by/ Phê duyệt bởi

Nhà thầu/ Contractor

Approved by/ Phê duyệt bởi

NGƯỜI VẼ / Drawn by

KIỂM TRA / Checked by

DUYỆT / Approved by

Giai đoạn thiết kế / Design phase

Hạng mục / Item

Tên bản vẽ / Drawing name

THIẾT KẾ MÀN HÌNH LED

Ngày / Date

Bản sửa / REV

Tỷ lệ / Scale NA

Bản vẽ số / Drawing No

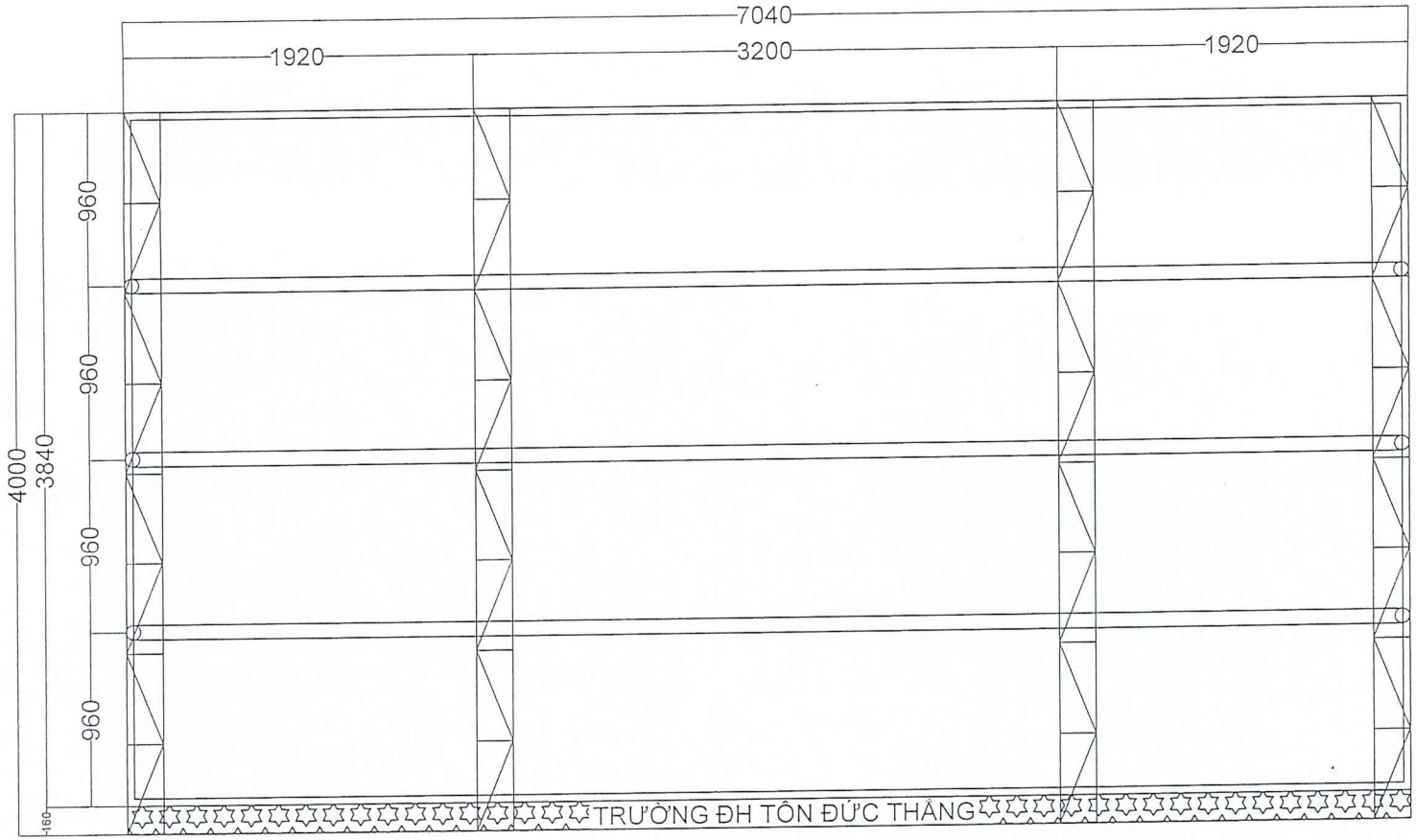

MẶT TRƯỚC
HỆ KHUNG LED P2 SCREEN INDOOR

THÔNG TIN MÀN HÌNH	
KÍCH THƯỚC MÀN HÌNH	7040 (mm) x 3840 (mm) = 27.034 m^2
KHỐI LƯỢNG TỔNG	~ (Kg)
CÔNG SUẤT TỔNG	~16.5k (W)

THÔNG SỐ MÀN HÌNH LED

Tên dự án / Project name

Chủ đầu tư / Client

Phê duyệt của chủ đầu tư/ Approval by Client

Tư vấn giám sát / Supervior consultant

Approved by/ Phê duyệt bởi

Nhà thầu/ Contractor

Approved by/ Phê duyệt bởi

NGƯỜI VẼ / Drawn by

KIỂM TRA / Checked by

DUYỆT / Approved by

Giai đoạn thiết kế / Design phase

Hạng mục / Item

Tên bản vẽ / Drawing name

THIẾT KẾ MÀN HÌNH LED

Ngày / Date

Bản sửa / REV

Tỷ lệ / Scale NA

Bản vẽ số / Drawing No

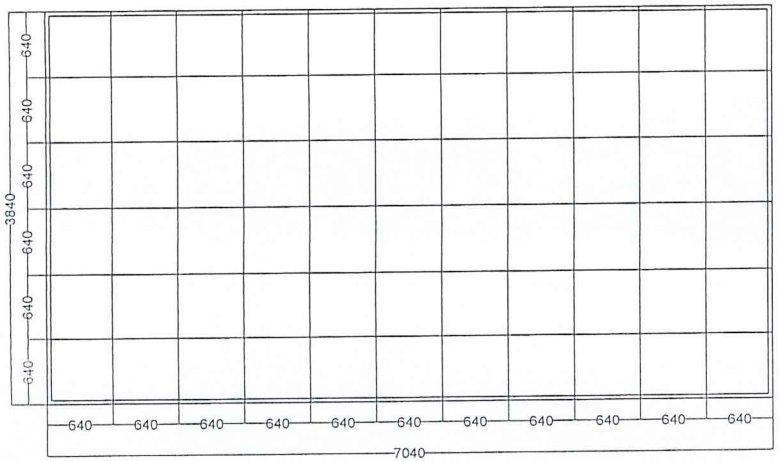

MẶT TRƯỚC
HỆ CABIN LED P2 SCREEN INDOOR

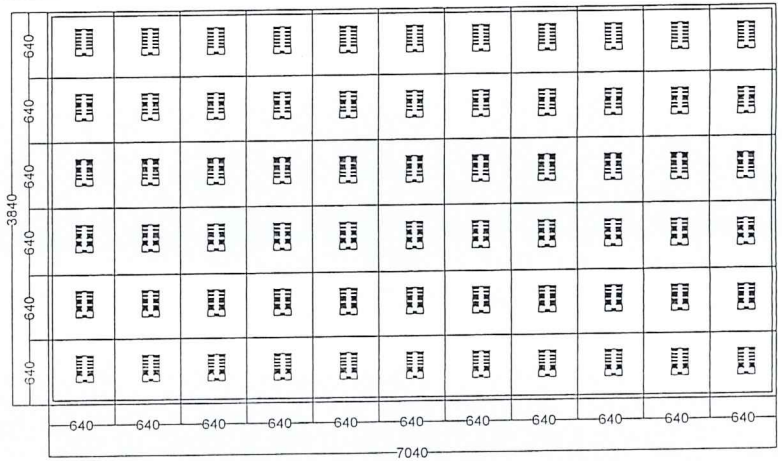

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CARD LED P2 SCREEN INDOOR

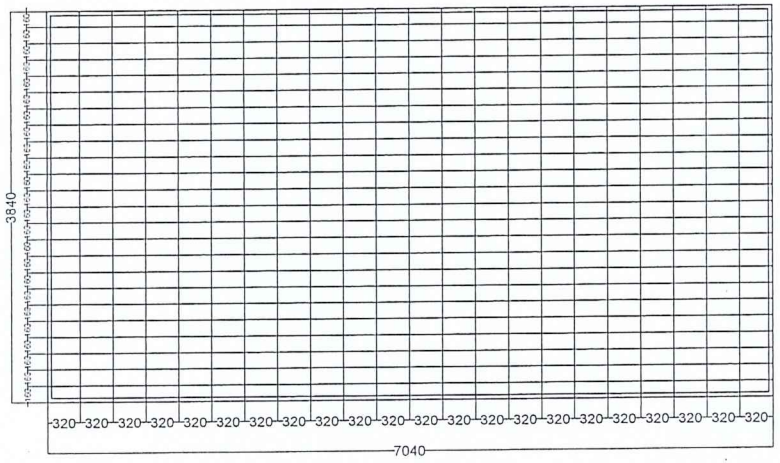

MẶT TRƯỚC
HỆ MODULE LED P2 SCREEN INDOOR

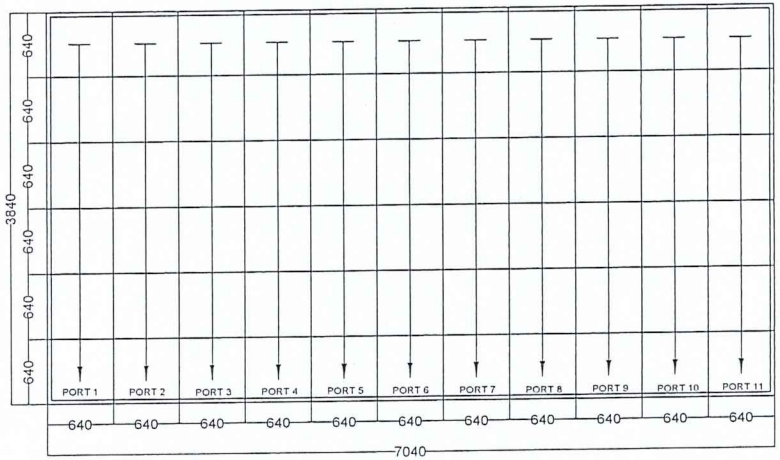

SƠ ĐỒ TÍN HIỆU HỆ CABIN LED P2 SCREEN INDOOR

PHƯƠNG ÁN KẾT NỐI VÀ ĐIỀU KHIỂN

Tên dự án / Project name

Chủ đầu tư / Client

Phê duyệt của chủ đầu tư/ Approval by Client

Tư vấn giám sát / Supervisor consultant

Approved by/ Phê duyệt bởi

Nhà thầu/ Contractor

Approved by/ Phê duyệt bởi

NGƯỜI VẼ / Drawn by

KIỂM TRA / Checked by

DUYỆT / Approved by

Giai đoạn thiết kế / Design phase

Hạng mục / Item

Tên bản vẽ / Drawing name

THIẾT KẾ MÀN HÌNH LED

Ngày / Date

Bản sửa / REV

Tỷ lệ / Scale NA

Bản vẽ số / Drawing No

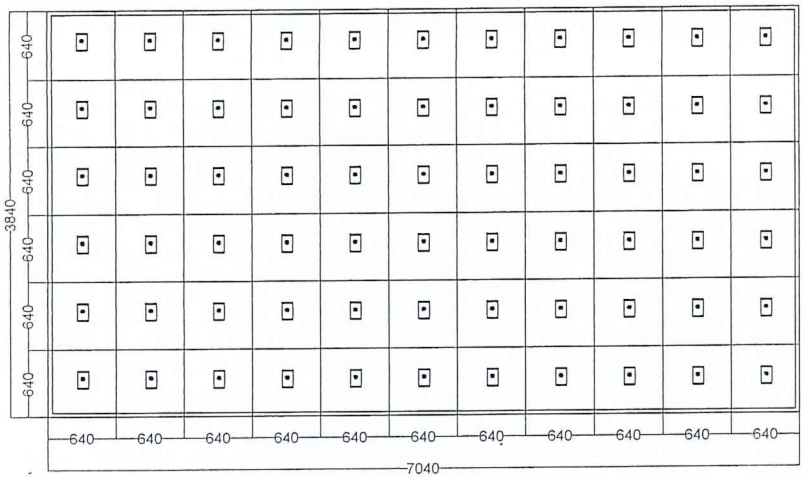

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ NGUỒN MÀN HÌNH LED

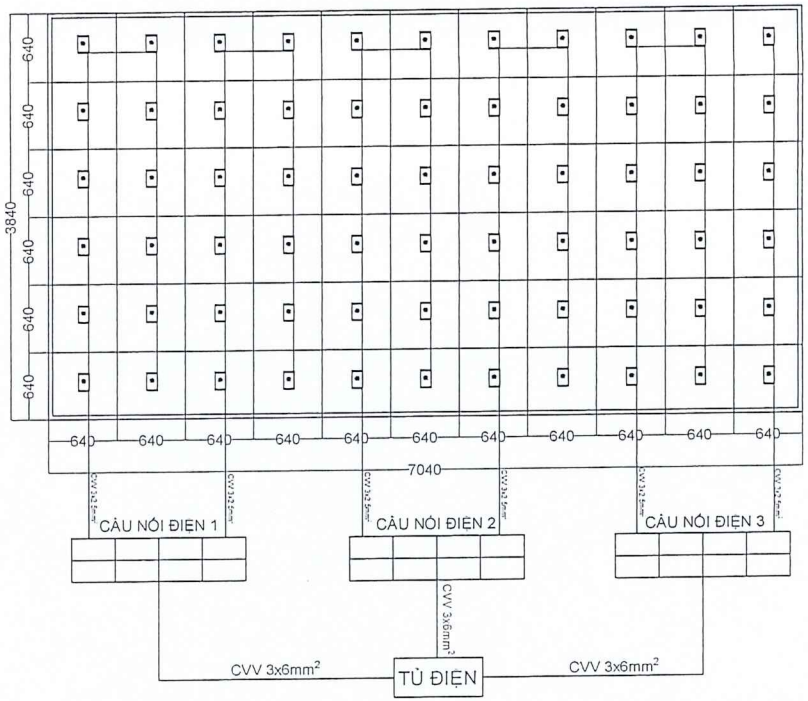

SƠ ĐỒ CUNG CẤP ĐIỆN

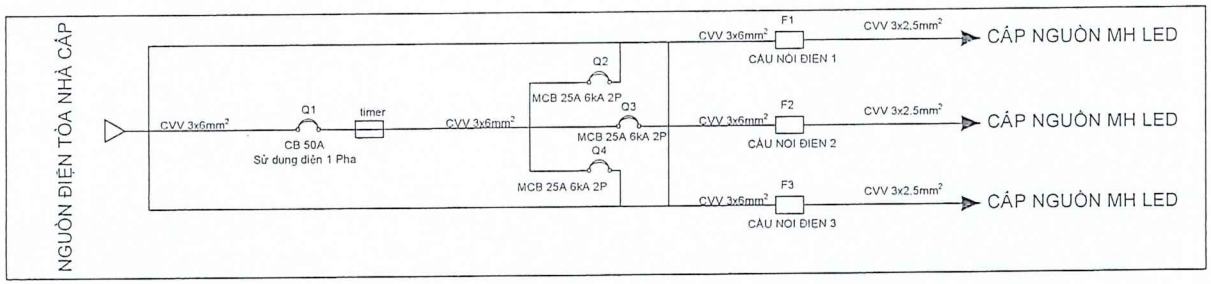

Tên dự án / Project name

Chủ đầu tư / Client

Phê duyệt của chủ đầu tư/ Approval by Client

Tư vấn giám sát / Supervior consultant

Approved by/ Phê duyệt bởi

Nhà thầu/ Contractor

Approved by/ Phê duyệt bởi

NGƯỜI VẼ / Drawn by

KIỂM TRA / Checked by

DUYỆT / Approved by

Giai đoạn thiết kế / Design phase

Hạng mục / Item

Tên bản vẽ / Drawing name

THIẾT KẾ MÀN HÌNH LED

Ngày / Date

Bản sửa / REV

Tỷ lệ / Scale NA

Bản vẽ số / Drawing No

BẢN VẼ THIẾT KẾ HỆ THỐNG
MÀN HÌNH LED HỘI TRƯỜNG 2A

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2025

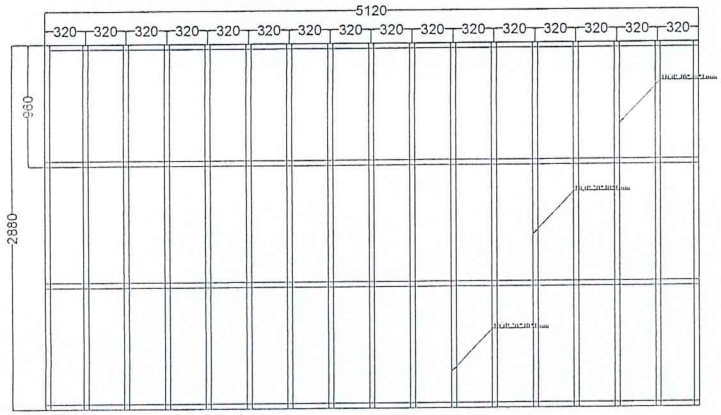

MẶT TRƯỚC
HỆ KHUNG LED P2 5120 x 2880

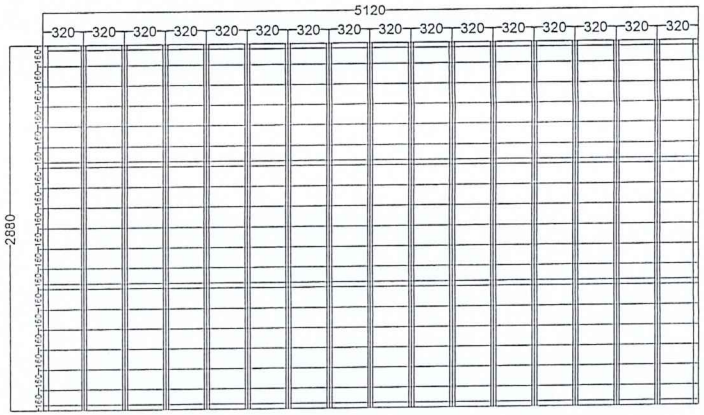

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ MODULE MÀN HÌNH LED

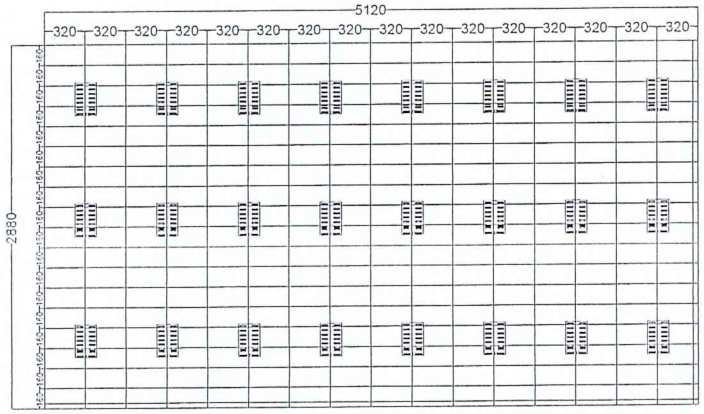

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ CARD TÍN HIỆU LED SCREEN
P2 INDOOR

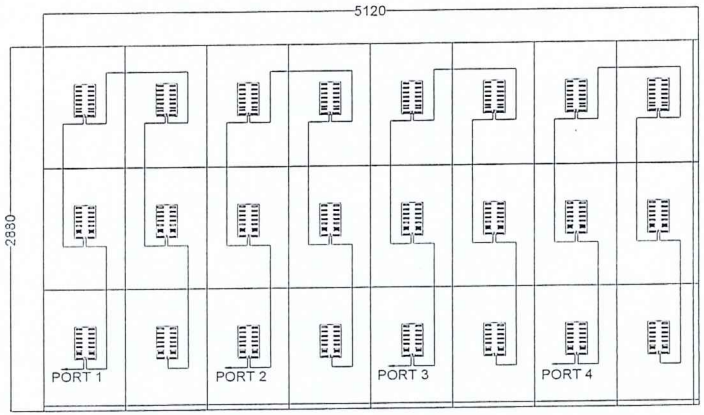

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ TÍN HIỆU CARD LED SCREEN
P2 INDOOR

Tên dự án / Project name

Chủ đầu tư / Client

Phê duyệt của chủ đầu tư/ Approval by Client

Tư vấn giám sát / Supervior consultant

Approved by/ Phê duyệt bởi

Nhà thầu/ Contractor

Approved by/ Phê duyệt bởi

NGƯỜI VẼ / Drawn by

KIỂM TRA / Checked by

DUYỆT / Approved by

Giai đoạn thiết kế / Design phase

SHOP DRAWING

Hạng mục / Item

Tên bản vẽ / Drawing name

THIẾT KẾ MÀN HÌNH LED

Ngày / Date 31/05/2024 Bản sửa / REV

Tỷ lệ / Scale NA

Bản vẽ số / Drawing No

03

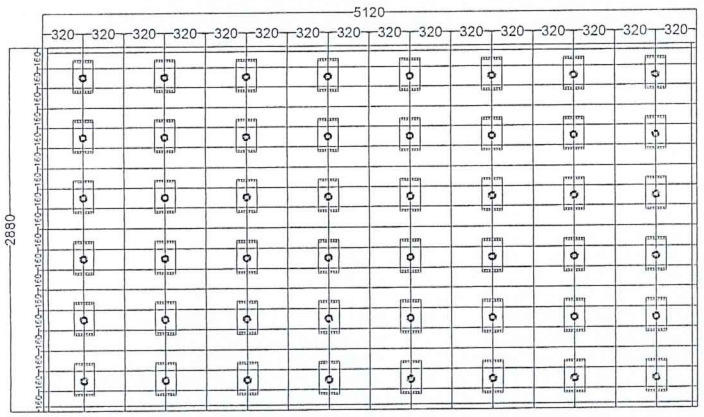

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ NGUỒN LED SCREEN
P2 INDOOR

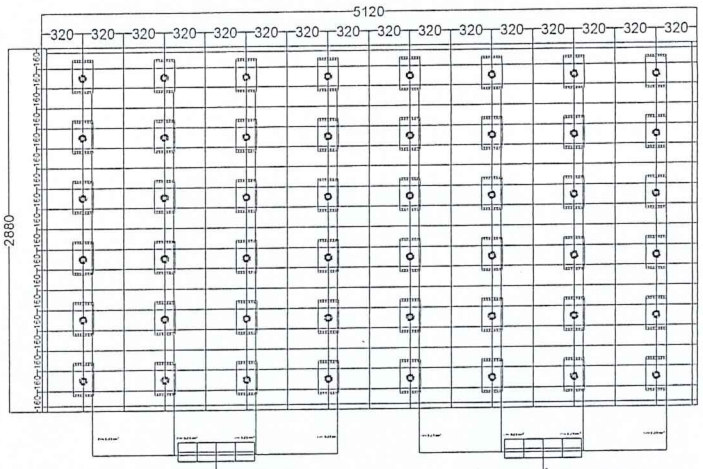

CẦU NỐI ĐIỆN 1

CẦU NỐI ĐIỆN 2

CVV 3x6mm²

TỦ ĐIỆN

CVV 3x6mm²

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ ĐI DÂY NGUỒN

HẠNG MỤC	CHIỀU NGANG	CHIỀU CAO	THÔNG TIN TỔNG
Kích thước màn hình	5120mm	2880mm	14.75m²
Độ phân giải màn hình - P2	2560px	1440px	3.7 Triệu pixel
Số lượng module	16	18	288 cái
Công xuất tiêu thụ tối đa toàn màn hình	500w/m²		7.5kW

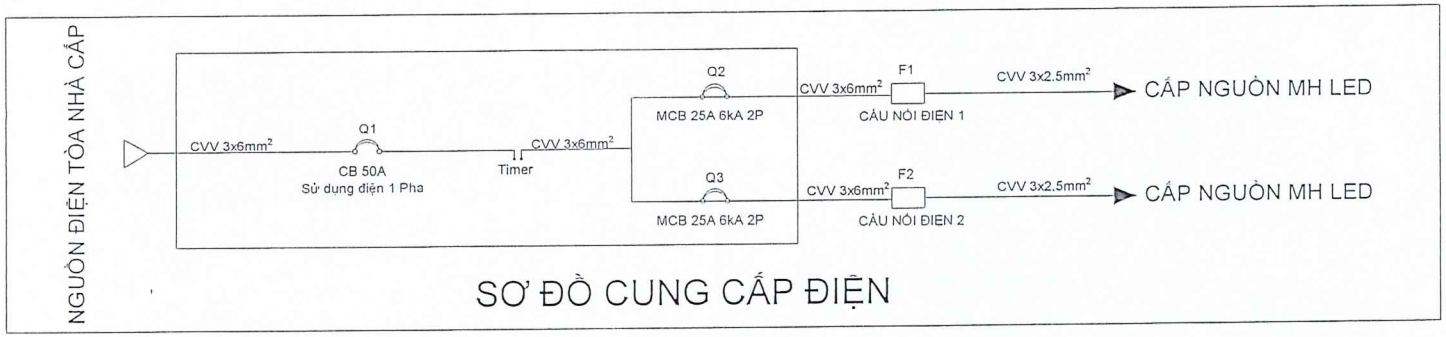

SƠ ĐỒ CUNG CẤP ĐIỆN

Tên dự án / Project name

Chủ đầu tư / Client

Phê duyệt của chủ đầu tư/ Approval by Client

Tư vấn giám sát / Supervior consultant

Approved by/ Phê duyệt bởi

Nhà thầu/ Contractor

Approved by/ Phê duyệt bởi

NGƯỜI VẼ / Drawn by

KIỂM TRA / Checked by

DUYỆT / Approved by

Giai đoạn thiết kế / Design phase

SHOP DRAWING

Hạng mục / Item

Tên bản vẽ / Drawing name

THIẾT KẾ MÀN HÌNH LED

Ngày / Date: 31/05/2024 Bản sửa / REV

Tỷ lệ / Scale NA

Bản vẽ số / Drawing No

03